

Số: /BVN – ĐT&CĐT
V/v Công bố bổ sung cơ sở đáp
ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong khối ngành đào tạo khối
ngành sức khỏe

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

BẢN CÔNG BỐ BỔ SUNG
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong
đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Thanh Hoá

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Nhi Thanh Hoá

Giấy phép hoạt động: 2590/SYT – GPHN, do sở Y tế cấp ngày 02/10/2018.

Địa chỉ: 724 Đường Quang Trung, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá

Chịu trách nhiệm chuyên môn: Bs.CKII.Lê Đăng Khoa

Điện thoại liên hệ: 0913224929.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ - CP ngày 5 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Y, dược, điều dưỡng, kỹ thuật viên, y sỹ đa khoa, y học cổ truyền, răng hàm mặt, hộ sinh, dinh dưỡng.

2. Trình độ đào tạo thực hành: Sau đại học, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp gồm:

- Bác sĩ chuyên Khoa II, Bác sĩ chuyên khoa I, thạc sĩ: Nhi khoa
- Điều dưỡng CKI I
- Dược sỹ chuyên khoa I, thạc sĩ
- Thạc sĩ, CKI, xét nghiệm
- Đại học: Kỹ thuật PHCN, Kỹ thuật Phục hình răng, Hộ sinh, Dinh dưỡng
- Cao đẳng: Y sỹ đa khoa, Y sỹ y học cổ truyền, Kỹ thuật Phục hình răng, Hộ sinh, Dinh dưỡng

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): Phụ lục 2 kèm theo

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: Phụ lục 1 kèm theo.

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng:

STT	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)
I.	Khoa Hệ Nội				
1.	Khoa Tiêu hóa	3	45	50	150
2.	Khoa Hô Hấp	3	45	60	180
3.	Khoa Máu Thận Khớp	3	45	35	105
4.	Khoa Nội Dị ứng	3	45	60	180
5.	Khoa nội tổng hợp	3	45	70	210
6.	Khoa Thận – Tiết niệu	3	45	50	150
7.	Bệnh nhiệt đới	3	45	50	150
8.	Khoa hồi sức tích cực sơ sinh	4	60	20	60
9.	Sơ sinh	3	45	30	90
10.	Khoa Hồi sức tích cực	3	45	25	75
11.	Dinh dưỡng	3	45	30	90
II.	Khoa Hệ Ngoại				
12.	Khoa chấn thương	3	45	45	135
13.	Khoa ngoại tiết niệu	3	45	20	60
14.	Ngoại tổng hợp	3	45	55	165
15.	Khoa tim mạch – lồng ngực	2	30	30	90
III.	Chuyên khoa				
16.	Khoa Răng hàm mặt	3	45	25	75
17.	Khoa Tai – Mũi – Họng	3	45	45	135
18.	PHCN- Đông Y	4	60	30	90

19.	Thần kinh – Tâm bệnh	4	60	40	120
20.	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30		
21.	Mắt	3	45	20	60
22.	Khoa Dược	4	60		
23.	Khối Xét nghiệm (HH- HS- VS)	10	150		
	Tổng	80	1200	790	2370

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành:
Phụ lục 3 kèm theo

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố (tài liệu gửi kèm theo Bản công bố).

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định ./.

GIÁM ĐỐC

Lê Đăng Khoa

**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)**

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CK 607216	CKI	CKI Nhi Khoa	lâm sàng nhi	Thực hành lâm sàng nhi khoa	Khoa Tiêu hóa	3	45	50	150	0	150
						Khoa Hô Hấp	3	45	60	180	0	180
						Khoa Máu Thận Khớp	3	45	35	105	0	105
						Khoa Nội Dị ứng	3	45	60	180	0	180
						Khoa nội tổng hợp	3	45	70	210	0	210
						Khoa Thận – Tiết niệu	3	45	50	150	0	150
						Bệnh nhiệt đới	3	45	50	150	0	150
						Khoa hồi sức tích cực sơ	4	60	20	60	0	60

					Ls Bệnh học Nhi khoa –	sinh						
						Sơ sinh	3	45	30	90	0	90
						Khoa Hồi sức tích cực	3	45	25	75	0	75
2	CK 62721655	CKII	CKII Nhi Khoa	Lâm sàng nhi		Dinh dưỡng	3	45	30	90	0	90
3	8720301. CK	CKI	Điều dưỡng	Lâm sàng điều dưỡng nhi		Khoa chấn thương	3	45	45	135	0	135
4	6720101 5720101	Cao đẳng / Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Bệnh học Nhi khoa – Bệnh học truyền nhiễm Thực hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn	Bệnh học truyền nhiễm	Khoa ngoại tiết niệu	3	45	20	60	0	60
						Ngoại tổng hợp	3	45	55	165	0	165
						Khoa tim mạch – lồng ngực	2	30	30	90	0	90
						Khoa Răng hàm mặt	3	45	25	75	0	75
						KHOA Tai – Mũi – Họng	3	45	45	135	0	135
					Thực hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn	PHCN- Đông Y	4	60	30	90	0	90
						Thần kinh – Tâm Bệnh	4	60	40	120	0	120
						Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30			0	
						Mắt	3	45	20	60	0	60
5					Thực	Khoa Tiêu hóa	3	45	50	150	0	150
						Khoa Hô Hấp	3	45	60	180	0	180

	7720301. 6720301.	Đại học / Trung cấp/cao đẳng	Hộ sinh	Lâm sàng Điều dưỡng/ bệnh học Nội Nhi	hành lâm sàng điều dưỡng Nhi/ Điều dưỡng sơ sinh	Khoa Máu Thận Khớp	3	45	35	105	0	105
						Khoa Nội Dị ứng	3	45	60	180	0	180
						Khoa nội tổng hợp	3	45	70	210	0	210
						Khoa Thận – Tiết niệu	3	45	50	150	0	150
						Bệnh nhiệt đới	3	45	50	150	0	150
						Khoa hồi sức tích cực sơ sinh	4	60	20	60	0	60
						Sơ sinh	3	45	30	90	0	90
						Khoa Hồi sức tích cực	3	45	25	75	0	75
6	7720401 6720401	Đại học/ Cao đẳng	Dinh dưỡng	Lâm sàng Dinh dưỡng tiết chế LS dinh dưỡng cộng đồng, DD điều trị,	Thực hành dinh dưỡng trong bệnh viện, DD điều trị, DD tiết chế, DD lâm sàng cho các đội tượng bệnh nhân nhi Thực	Tiêu hoá	2	30	50	150	0	150
						Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30			0	
						Dinh dưỡng	3	45	30	90	0	90

					hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn							
7	6720102/ 5720102	Cao đẳng/ Trun g cấp	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	PHCN- Đông Y	4	60	30	90	0	90
						Thần kinh – Tâm Bệnh	4	60	40	120	0	120
						Khoa nội tổng hợp	3	45	70	210	0	210
						Khoa Tiêu hóa	3	45	50	150	0	150
						Khoa Hô Hấp	3	45	60	180	0	180
						Kiểm soát nhiễm khuẩn	4	60			0	60
8	7720605 6720605	Đại học/ Cao đẳng	Kỹ thuật phục hình răng	Điều dưỡng nha	Thực hành LS:	Khoa Răng hàm mặt	3	45	25		0	10
				Bệnh học răng hàm mặt Kỹ thuật điều trị dự phòng nha	Khám, nhận định, chẩn đoán, hướng xử trí bệnh lý răng miệng, CS bệnh răng miệng,	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30			0	60

				Kỹ thuật phục hình Nha Thực hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn	KT dự phòng nha. ... Thực hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn							
9	7720603 6720603	Đại học/ Cao đẳng	Kỹ thuật PHCN	Lâm sàng Phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng Phục hồi chức năng, Vận động trị liệu, hoạt động trị liệu,....	PHCN- Đông Y	4	60	30	90	0	90
					Ngôn ngữ trị liệu Thực hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn	Thần kinh – Tâm Bệnh	4	60	40	120	0	120
						Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30			0	60

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA HỆ NỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Sau đại học, đại học: nhi khoa, điều dưỡng CKI nhi, Cao đẳng/Trung cấp/ Y sỹ đa khoa; Hộ sinh - Dinh dưỡng; Kỹ thuật phụ hình răng, Y học cổ truyền lâm sàng Nhi khoa)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Duy Thái	BsCKII	Nội nhi	001745/TH-CCHN	Nội nhi	15	Lâm sàng nội nhi LS nội khoa Lâm sàng		Nội dị ứng Nội dị ứng – Cơ xương khớp	60

2	Nguyễn Thu Hương	BsCKI		007691/TH-CCHN		15	truyền nhiễm Ls Dinh dưỡng tiết chế Các vòng thực tập	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, tim mạch, thận tiết niệu, huyết học di truyền, bệnh truyền nhiễm nhi....và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn		
3	Lê Thị Hương	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	001841/TH-CCHN	Điều dưỡng nhi khoa	15				
4	Nguyễn Thị Vân	BsCKII	Nội nhi	001756/TH-CCHN	Nội nhi	15			Hô Hấp	60
5	Đỗ Thanh Hải	BsCKII	Nội nhi	007645/TH-CCHN	Nội nhi	12				60

6	Ngô Thị Lài	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng nhi	001815/TH-CCHN	Điều dưỡng	15		đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, tim mạch, thận tiết niệu, huyết học di truyền, bệnh truyền nhiễm nhi....và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Nội tổng hợp	70
7	Lữ Thị Hoà	BsCKII	Nội nhi	001746/TH-CCHN	Nội nhi	15				
8	Lê Thu Hoài	BsCKII	Nội nhi	007640/TH-CCHN	Nội nhi	15				
9	Nguyễn Thị Xoan	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng nhi	001876/TH-CCHN	Điều dưỡng	15				

					dưỡng						
20	Trương Thị Thuỷ Dung	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng		điều dưỡng, dinh dưỡng	10					
21	Trịnh Văn Lực	Ths.Bs	Nội nhi	000709/TH-CCHN	Nội nhi	1 5				Bệnh Nhiệt Đới	50
22	Đinh Hoàng Anh	BsCKI	Nội nhi	016316/TH-CCHN	Nội nhi	10					
	Nguyễn Thị Yên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	011997/TH-CCHN	điều dưỡng, dinh dưỡng	15					
24	Hoàng Thị Đức	BsCKI	Nội nhi	018169/TH-CCHN	Nội nhi	15				Sơ sinh	60
25	Lê Khả Thiện	BsCKI	Nội nhi	002524/TH-CCHN	Nội nhi	15					
26	Lê Thị Nga	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	001807/TH-CCHN	điều dưỡng,	15					
27	Nguyễn Hữu Thành	Ths.Bs	Nội nhi	001749/TH-CCHN	Nội nhi	15				Tim Mạch	30
28	Lê Anh Minh	Ths.Bs	Nội nhi	007682/TH-CCHN	Nội nhi	15					
29	Nguyễn Thị Thiều	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	001732/TH-CCHN	điều dưỡng,	15					

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA HỆ NGOẠI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Sau đại học, đại học, Cao đẳng/Trung cấp/ Điều dưỡng, Hộ sinh, Dinh dưỡng – Y sỹ - Kỹ thuật – Dược /lâm sàng Ngoại nhi)
(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... theo bằng cấp	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm m KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Lưu Đức Thọ	Ths.Bs	Ngoại nhi	002517/TH-CCHN	Ngoại nhi	15	Lâm sàng ngoại nhi	Khám, nhận định, chẩn đoán, xử trí, điều trị, chăm sóc bệnh Nhi chấn thương, ngoại khoa... CSBN: Shock chấn thương, Gãy xương các loại, tắc ruột, viêm ruột thừa, lồng ruột, bọng, CTSN, chăm sóc trước và sau mổ... Các dị tật bẩm	Ngoại Chấn thương	45
2	Lê Văn Trường	Ths.Bs	Ngoại nhi	001782/TH-CCHN	Ngoại nhi	15				
3	Nguyễn Thế Anh	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	001730/TH-CCHN	Điều dưỡng	15				
4	Lưu Tiến Dũng	Bs.CKI	Ngoại	001779/TH-CCHN	ngoại nhi	15			Ngoại Tiết Niệu	20
5	Nguyễn Viết Hải	BsCKII	Ngoại	001670/TH-CCHN	Ngoại nhi	15	Lâm			

6	Trịnh Thị Hồng	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	001816/TH- CCHN	Điều dưỡng	15	sàng ngoại nhi	sinh.... Khám, nhận định, chẩn đoán, xử trí, điều trị, chăm sóc bệnh Nhi chấn thương, ngoại khoa... CSBN: Shock chấn thương, Gãy xương các loại, tắc ruột, viêm ruột thừa, lồng ruột, bỏng, CTSN, chăm sóc trước và sau mổ... Các dị tật bẩm sinh....	Ngoại Tổng hợp	55
7	Dương Văn Thông	BsCKII	Ngoại nhi	007623/TH- CCHN	Ngoại nhi	15				
8	Nguyễn Đình Vương	Ths.Bs	Ngoại nhi	007692/TH- CCHN	Ngoại nhi	15				
9	Lê Thị Hoà	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	005798/TH- CCHN	Điều dưỡng	15				

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA MẮT, TAI MŨI HỌNG, RĂNG HÀM MẶT
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Sau đại học, đại học, Cao đẳng/Trung cấp/ Điều dưỡng, Hộ sinh- Dinh dưỡng – Y sỹ đa khoa - YHCT- Kỹ thuật Phục
hình răng – Dược /lâm sàng Chuyên khoa)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giảng dạy đạt yêu cầu thực hành
1	Hoàng Hoa Quỳnh	BSCKI	Nhân khoa	002523/TH-CCHN	Nhân khoa	15	Nhãn nhi Bệnh học chuyên khoa hệ Ngoại Điều dưỡng CK hệ Ngoại	Khám, nhận định, chẩn đoán, xử trí, Điều trị, Chăm sóc, phòng bệnh, giáo dục sức khỏe bệnh lý nhãn khoa,	Mắt	20
2	Nguyễn Châu Linh	BSCKI	Nhân khoa	007597/TH-CCHN	Nhân khoa	15		Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, làm thuốc tại,..		
								Tư vấn GDSK cộng đồng		

3	Nguyễn Thị Thuận	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	001723/TH- CCHN	Điều dưỡng mắt	15				
4	Đàm Thị Lan	Ths.Bs	Tai mũi họng	001137/TH- CCHN	Tai mũi họng	15	Bệnh học/ điều dưỡng Tai mũi họng	Khám, nhận định, chẩn đoán, xử trí, Điều trị, Chăm sóc, phòng bệnh, giáo dục sức khỏe bệnh lý Tai mũi họng, Viêm tai giữa, VA, amydal,... Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, làm thuốc tai,.. Tư vấn GDSK cộng đồng	Tai Mũi họng	45
6	Nguyễn Trọng Cường	Ths.Bs	Tai mũi họng	011790/TH- CCHN	Tai mũi họng	15				
7	Ngô Thị Liên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	012048/TH- CCHN	Điều dưỡng	15				
8	Vũ Văn Thoan	BsCKI	Răng hàm mặt	001123/TH- CCHN	răng hàm mặt	15	Bệnh học/ điều dưỡng Răng hàm mặt	Khám, nhận định, chẩn đoán, xử trí, Điều trị, Chăm sóc, phòng bệnh, giáo dục sức khỏe bệnh	Răng hàm mặt	25

9	Trần Nhật yển	Bác sĩ	Răng hàm mặt	012071/TH-CCHN	răng hàm mặt	10	KT phụ hình răng	lý, Răng hàm mặt, Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật răng, làm thuốc tại,.. Tư vấn GDSK cộng đồng		
10	Vũ Thị Thanh	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	001904/TH-CCHN	Điều dưỡng răng hàm mặt	15				

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA CẤP CỨU CHỐNG ĐỘC – HỒI SỨC TC SƠ SINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Sau đại học, đại học, Cao đẳng/Trung cấp/ Điều dưỡng, Hộ sinh- Dinh dưỡng – Y sỹ đa khoa - Kỹ thuật – Dược /lâm
sàng Nội khoa – HSCC)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Ngô Việt Hưng	ThsBS	Hồi sức cấp cứu	008270/TH-CCHN	Hồi sức cấp cứu	15	LS bệnh học/ điều dưỡng Cấp cứu	Tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc bệnh nhi suy hô hấp, thở máy, Sốc phản vệ, Chấn thương, ngộ độc, Đẻ non, vàng da, xuất huyết, chiếu đèn, lọc máu, VNMN....	HsCC	25
2	La Xuân Trọng	BsCKII	Nội nhi	000248/TH-CCHN	Nội nhi, cấp cứu	15				
3	Trần Thị Huệ	Cử nhân	Điều dưỡng	002515/TH-CCHN	Điều dưỡng hồi sức	15				
4	Lê Xuân Trung	BsCKII	Nội nhi	001406/TH-CCHN	Nội nhi, cấp cứu	15	LS bệnh học/	Tình trạng người bệnh, chẩn đoán	HSTCSS	20

							điều dưỡng Cấp cứu Nhi/ Sơ sinh	chăm sóc bệnh nhi suy hô hấp, thở máy, Sốc phản vệ, Chấn thương, ngộ độc, Đẻ non, vàng da, xuất huyết, chiếu đèn, lọc máu, VNMN....		
5	Trần Thị Oanh	BsCKI	Nội nhi	012083/TH- CCHN	Nội nhi, cấp cứu	15				
6	Nguyễn Thị Phương	BsCKI	Nội nhi	012085/TH- CCHN	Nội nhi, cấp cứu	15				
7	Lê Văn Vượng	Cử nhân	Điều dưỡng	001830/TH- CCHN	Điều dưỡng hồi sức	15				

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Đại học, Cao đẳng/ Trung cấp Điều dưỡng, Hộ sinh – Dinh dưỡng – Y sỹ đa khoa / Y học cổ truyền – Kỹ thuật Phục hồi chức năng /lâm sàng Y học cổ truyền – Lâm sàng Phục hồi chức năng)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Lường Văn Hưng	BsCKI	Đông Y	001776/TH-CCHN	Đông Y, phục hồi chức năng	10	LS bệnh học/ điều dưỡng Y học cổ truyền	Khám, nhận định, chẩn đoán, xử trí, điều trị, chăm sóc các bệnh thường gặp ở khoa y học cổ truyền. Phục hồi chức năng	Y học cổ truyền	70
2	Nguyễn Viết Ngọc	Bác sĩ	Đông Y	15236/TH-CCHN	Đông Y, phục hồi chức năng	5	–			
3	Trần Thị Minh Anh	BsCKI	Nhi khoa	017041/TH-CCHN	Nhi khoa, phục hồi chức năng	10	PHCN	Thực hiện các kỹ thuật Y học cổ truyền		
4	Trịnh Thị Phương	BsCKI	Đông Y	013086/TH-CCHN	Đông Y	5	PHCN Nhi khoa LS Ngôn ngữ trị liệu LS Hoạt động trị	Tư vấn GDSK cộng đồng Thực hiện các Kỹ thuật VLTL – PHCN – HĐTL... Ngôn ngữ trị liệu, trẻ tự kỷ, chậm	Phục hồi chức năng	

							liệu Vận động trị liệu	phát triển TTVD,,,, xoa bóp bấm huyệt, chiếu đèn, điện xung, tập vận động; Tư vấn GDSK cộng đồng		
--	--	--	--	--	--	--	---------------------------------	---	--	--

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA DINH DƯỠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học, Cao đẳng/ Trung cấp Dinh dưỡng – / lâm sàng Dinh dưỡng tiết chế - Vệ sinh an toàn thực phẩm)
(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Trịnh Thị Thơm	Bs.CKI	BsCKI Nhi	012052/TH-CCHN	Nhi + Dinh Dưỡng lâm sàng	10	LS Dinh dưỡng tiết chế. Dinh dưỡng điều trị; Vệ sinh an toàn thực phẩm	Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh Dinh dưỡng lâm sàng, Dinh dưỡng tiết chế...	Dinh dưỡng	20
2.	Trương Thị Thuý dung	Cử nhân	Điều dưỡng	001740/TH-CCHN	Điều dưỡng, dinh dưỡng	10				
3.	Hoàng Hà Giang	Bác sĩ	Bác sĩ	017882/TH-CCHN	Bác sĩ nhi khoa	10				
4.	Vũ Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	007583/TH-CCHN	Điều dưỡng, dinh dưỡng	10				

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học, Cao đẳng/ Trung cấp Điều dưỡng, Hộ sinh – Dinh dưỡng – Y sỹ đa khoa / Y học cổ truyền – Kỹ thuật Phục hồi chức năng /lâm sàng Y học cổ truyền – Lâm sàng Phục hồi chức năng)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Thị Thuỷ	Thạc sĩ	Y tế công cộng		Kiểm soát nhiễm khuẩn	10 năm	Kiểm soát nhiễm khuẩn	VSMT bệnh viện, Xử lý chất thải Y tế, Khử khuẩn, tiệt khuẩn, giám sát NKBV, phòng ngừa các bệnh NKBV	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
2	Phạm Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	001843/T H-CCHN	Kiểm soát nhiễm khuẩn	10 năm				

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA DƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng/ trung cấp lâm sàng Dược)**

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Vũ Mạnh Hùng	DSCKI	Dược sĩ	2979/TH-CCHND	Dược sĩ	12	Dược lâm sàng	Dược lâm sàng	Dược	500
2	Nguyễn Thị Thảo	Ths.DS	Dược sĩ	3618/CCHN-D-SYT-TH	Dược sĩ	13				
3	Nguyễn Thị Trang	DSCKI	Dược sĩ	3489/TH-CCHND	Dược sĩ	12				
4	Lê Thị Thu Trang	DSCKI	Dược sĩ	3735/CCHND-SYT-TH	Dược sĩ	10				

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

26

								thuật cao		
5	Đỗ Ngọc Hoài	Ths.Vi sinh	Vi sinh	003012/TH-CCHN	Vi sinh	15	Ls Vi sinh – KST	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm và các kỹ thuật cao về định danh vi khuẩn, vi rus, nuôi cấy, kháng sinh đồ	Vi sinh	
6	Hoàng Huy Trung	Ths.Vi sinh	Vi sinh	15693/TH-CCHN	Vi sinh	15				
7	Nguyễn Thanh Bình	CKI.KTV	Vi sinh	001846/TH-CCHN	Vi sinh	15				
8	Đỗ Văn Sinh	Bác sĩ	Giải phẫu bệnh	002525/TH-CCHN	Giải phẫu bệnh	15	LS GPB	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm và các kỹ thuật cao về SINH THIẾT tế bào, làm tiêu bản tế bào	Giải phẫu bệnh	
9	Lê Thị Quỳnh Nga	Bác sĩ	Nhi khoa	017862/TH-CCHN	Giải phẫu bệnh	5				
10	Nguyễn Đình Quân	KTV	Giải phẫu bệnh	001936/TH-CCHN	Giải phẫu bệnh	15				

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA HỆ NỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Sau đại học, đại học, Cao đẳng/Trung cấp/ Điều dưỡng – Y sỹ - Kỹ thuật – Dược /lâm sàng
Nội Nhi)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	1	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	12	
5.	Màn chiếu	Cái	1	
6.	Máy chiếu	Cái	1	
7.	Máy tính	Cái	5	
8.	Ổng nghe	Cái	5	
9.	Đèn đọc phim	Cái	1	
10.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
11.	Bàn ghế ngồi	Bộ	15	
12.	Ghế đơn	Cái	200	
13.	Bóng Ambu	Cái	10	
14.	Bình Oxy các loại	Cái	8	
15.	Máy hút đờm rãi	Cái	10	
16.	Giường bệnh	Cái	300	
17.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	20	
18.	Máy thở	Cái	10	
19.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	10	
20.	Xe tiêm, Dụng cụ, thuốc	Cái	20	
21.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	19	
22.	Bơm tiêm điện	Cái	30	
23.	Máy điện tim	Cái	10	
24.	Nhiệt kế các loại	Cái	25	
25.	Hộp chống shock	Cái	30	
26.	Cân	Cái	10	
27.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Cái	10	
28.	Tủ sấy	Cái	5	
29.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	30	
30.	Máy chạy thận	Máy	85	
31.	Máy đo loãng xương toàn thân	Cái	1	
32.	Máy lọc máu liên tục	Chiếc	1	

33.	Hệ thống can thiệp mạch	Hệ thống	1	
34.	Máy shock tim	Chiếc	1	
35.	Máy shok điện	Chiếc	1	
36.	Máy siêu lọc máu liên tục	Chiếc	1	
37.	Máy tạo nhịp tim cùng bộ điện cực	Chiếc	3	
38.	Máy tạo nhịp tim tạm thời một buồng	Chiếc	1	
39.	Máy theo dõi bệnh nhân 3 thông số	Chiếc	3	
40.	Máy thở	Chiếc	3	
41.	Máy thở cao tần dùng cho trẻ em và sơ sinh	Chiếc	1	
42.	Máy thở cao tần HFO	Chiếc	1	
43.	Máy thở cao tần HFO cho trẻ em và trẻ sơ sinh (loại cao cấp)	Chiếc	1	
44.	Máy thở chức dùng cho người lớn và trẻ em	Chiếc	1	
45.	Máy thở chức năng cao	Chiếc	10	
46.	Máy thở đa chức năng	Chiếc	1	
47.	Máy thở dùng cho trẻ em và trẻ sơ sinh	Chiếc	3	
48.	Máy thở nhi khoa	Chiếc	10	
49.	Máy thu hồi môi trường	Chiếc	1	
50.	Đèn chiếu vàng da	Chiếc	6	
51.	Đèn chiếu vàng da sơ sinh 1 mặt	Chiếc	5	
52.	Đèn chiếu vàng da sơ sinh 2 mặt	Chiếc	15	
53.	Đèn soi đáy mắt	Chiếc	2	
54.	Đèn soi đáy mắt gián tiếp	Chiếc	1	
55.	Đèn soi đáy mắt trực tiếp	Chiếc	1	
56.	Giường hồi sức điều khiển	Chiếc	10	
57.	Giường hồi sức và sưởi ấm trẻ sơ sinh	Chiếc	3	
58.	Hệ thống khí nén trung tâm	Bộ	1	
59.	Hệ thống màng trao đổi oxy ngoài cơ thể	Bộ	1	
60.	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Chiếc	15	
61.	Máy bơm khí CO2 ổ bụng	Chiếc	1	
62.	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Chiếc	5	
63.	Máy đo SPO2 cầm tay	Chiếc	2	
64.	Máy tim phổi nhân tạo	Chiếc	1	

65.	Máy trợ thở CPAP	Chiếc	1	
66.	Máy truyền dịch	Chiếc	81	
67.	Monitor 5 thông số	Chiếc	2	
68.	Monitor màu theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Chiếc	5	
69.	Monitor màu theo dõi bệnh nhân 7 thông số	Chiếc	6	
70.	Monitor màu theo dõi bệnh nhân 7 thông số	Chiếc	4	
71.	Monitor theo dõi bệnh nhân	Chiếc	10	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA HỆ NGOẠI – PHÒNG MỔ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Sau đại học, đại học, Cao đẳng/Trung cấp/ Điều dưỡng – Y sỹ - Kỹ thuật – Dược /lâm sàng
NGOẠI khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	3	
2.	Phòng trực	Phòng	3	
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	1	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		10	
5.	Máy tính	Cái	30	
6.	Ống nghe	Cái	15	
7.	Đèn đọc phim	Cái	12	
8.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9.	Bàn ghế ngồi	Bộ	200	
10.	Ghế đơn	Cái	150	
11.	Bóng Ambu	Cái	20	
12.	Bình Oxy các loại	Cái	10	
13.	Máy hút đờm rãi	Cái	12	
14.	Giường bệnh	Cái	200	
15.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	10	
16.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	10	
17.	Xe tiêm, Dụng dụng cụ, thuốc	Cái	32	
18.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	205	
19.	Bơm tiêm điện	Cái	26	
20.	Nhiệt kế	Cái	25	
21.	Hộp chống shock	Cái	30	
22.	Bàn mổ đa năng	Chiếc	5	
23.	Bàn mổ	Cái	12	
24.	Các loại nẹp và dụng cụ cố định gãy xương	Bộ	10	
25.	Kẹp, panh, kéo, kìm, van các loại	Bộ	5	
26.	Bộ trung phẫu	Bộ	10	
27.	Bộ tiểu phẫu	Bộ	5	
28.	Bàn mổ	Cái	2	
29.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	25	
30.	Bàn làm thủ thuật	Cái	5	
31.	Dao mổ điện	Cái	5	
32.	Bàn mổ đa năng	Chiếc	2	
33.	Bộ đèn đặt nội khí quản 5 lưới	Bộ	6	
34.	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương	Bộ	2	
35.	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương	Bộ	2	

	chỉnh hình, sọ bong			
36.	Bộ dụng cụ phẫu thuật lõm ngực bẩm sinh	Bộ	1	
37.	Bộ dụng cụ phẫu thuật niệu quản trẻ em	Bộ	1	
38.	Bộ dụng cụ phẫu thuật tạo hình	Bộ	1	
39.	Bộ dụng cụ phẫu thuật thanh khí phế quản ống cứng	Bộ	1	
40.	Bộ dụng cụ phẫu thuật tim nhi khoa	Bộ	2	
41.	Bộ dụng cụ phẫu thuật vòm miệng	Bộ	1	
42.	Bộ dụng cụ pt Chấn thương	Bộ	1	
43.	Bộ dụng cụ pt Tim mạch	Bộ	1	
44.	Bộ khoan cửa xương ức dùng pin	Bộ	1	
45.	Bộ mở khí quản	Bộ	1	
46.	Bộ phẫu thuật nội soi ổ bụng	Bộ	1	
47.	Bộ tiểu phẫu	Bộ	3	
48.	Bộ trung phẫu	Bộ	3	
49.	Dao mổ điện	Chiếc	3	
50.	Dao mổ điện cao tần	Chiếc	4	
51.	Cưa cắt bột	Chiếc	2	
52.	Đèn mổ di động 4 bóng ánh sáng lạnh Halogen	Chiếc	4	
53.	Đèn mổ một bóng ánh sáng lạnh	Chiếc	19	
54.	Đèn mổ treo trần 1 bóng ánh sáng lạnh	Chiếc	4	
55.	Đèn mổ treo trần 2 chóa công nghệ LED kèm camera	Chiếc	2	
56.	Đèn phẫu thuật treo trần ánh sáng lạnh công nghệ LED	Chiếc	1	
57.	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng nhi khoa với camera 3 chip CCD	Bộ	1HT	
58.	Máy gây mê	Chiếc	3	
59.	Máy gây mê	Chiếc	1	
60.	Máy gây mê kèm thở	Chiếc	4	
61.	Máy gây mê kèm thở	Chiếc	3	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA MẮT, TAI MŨI HỌNG, RĂNG HÀM MẶT, DA LIỄU
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Sau đại học, đại học, Cao đẳng/Trung cấp/ Điều dưỡng – Y sỹ đa khoa - YHCT- Kỹ thuật
Phục hình răng – Dược /lâm sàng Chuyên khoa lẻ)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	3	
2.	Phòng trực	Phòng	3	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		1	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	3	
5.	Ghế đơn	Cái	50	
6.	Máy tính	Cái	20	
7.	Ổng nghe	Cái	10	
8.	Đèn đọc phim	Cái	5	
9.	Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa	Cái	1	
10.	Bóng Ambu	Cái	10	
11.	Bình Oxy các loại	Cái	10	
12.	Máy hút đờm rãi	Cái	10	
13.	Giường bệnh	Cái	14	
14.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	10	
15.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	15	
16.	Xe tiêm	Cái	30	
17.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	10	
18.	Bơm tiêm điện	Cái	15	
19.	Nhiệt kế các loại	Cái	20	
20.	Hộp chống shock	Cái	5	
21.	Bộ đèn thủ thuật treo trần	Bộ	2	
22.	Bộ đo khám thị lực	Bộ	1	
23.	Bộ dụng cụ khám chữa răng	Bộ	2	
24.	Bộ dụng cụ phẫu thuật vòm miệng	Bộ	1	
25.	Bộ dụng cụ pt TMH	Bộ	1	
26.	Bộ nội soi tai mũi họng	Bộ	1	
27.	Bộ nội soi thực quản và phế quản ống mềm video dùng cho nhi khoa	Bộ	1	
28.	Đèn clar	Chiếc	2	
29.	Hệ thống bàn, thiết bị+ghế khám điều trị TMH	Bộ	1	
30.	Hệ thống máy ghế chữa răng đa năng	Bộ	1	
31.	Hệ thống máy nội soi tai mũi họng	Bộ	1	
32.	Kính sinh hiển vi khám mắt hai mắt soi nổi	Chiếc	1	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Sau đại học, đại học, Cao đẳng/ Trung cấp Điều dưỡng – Y sỹ đa khoa / Y học cổ truyền –
Kỹ thuật Phục hồi chức năng /lâm sàng Y học cổ truyền – Lâm sàng Phục hồi chức năng)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	2	
2.	Phòng trực	Phòng	2	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		6	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	02	1 PK, 1 Khoa
5.	Ghế đơn	Cái	20	
6.	Máy tính	Cái	5	
7.	Ống nghe	Cái	5	
8.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9.	Bóng Ambu	Cái	3	
10.	Bình Oxy các loại	Cái	5	
11.	Máy hút đờm rãi	Cái	2	
12.	Giường bệnh	Cái	9	
13.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	2	
14.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	2	
15.	Xe tiêm	Cái	5	
16.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	5	
17.	Bơm tiêm điện	Cái	10	
18.	Nhiệt kế các loại	Cái	10	
19.	Hộp chống shock	Cái	6	
20.	Cân	Cái	3	
21.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	30	
22.	Máy châm cứu có đầu dò huyết	Chiếc	1	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Sau đại học, đại học, Cao đẳng/ Trung cấp Điều dưỡng – Y sỹ đa khoa / Y học cổ truyền –
Kỹ thuật Phục hồi chức năng /lâm sàng Y học cổ truyền – Lâm sàng Phục hồi chức năng)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		6	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	02	
5.	Ghế đơn	Cái	15	
6.	Máy tính	Cái	4	
7.	Ổng nghe	Cái	3	
8.	Đèn đọc phim	Cái	1	
9.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
10.	Bóng Ambu	Cái	2	
11.	Bình Oxy các loại	Cái	2	
12.	Máy hút đờm rãi	Cái	2	
13.	Giường bệnh	Cái	30	
14.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	10	
15.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	5	
16.	Xe tiêm	Cái	10	
17.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	10	
18.	Bơm tiêm điện	Cái	5	
19.	Nhiệt kế các loại	Cái	1	
20.	Hộp chống shock	Cái	2	
21.	Cân	Cái	0	
22.	Thước đo chiều cao	Cái	0	
23.	Đèn hồng ngoại	Chiếc	3	
24.	Máy điện châm	Chiếc	2	
25.	Máy trung tần	Chiếc	1	
26.	Máy xoa bóp toàn thân	Chiếc	1	
27.	Máy siêu âm kết hợp điện xung	Chiếc	1	
28.	Máy laser nội mạch	Chiếc	1	
29.	Bộ dụng cụ giác hơi	Chiếc	5	
30.	Bộ dụng cụ cây chỉ	Chiếc	2	
31.	Máy xung kích	Chiếc	1	
32.	Xe đạp tập	Chiếc	3	
33.	Máy sóng ngắn	Chiếc	1	
34.	Nồi điện nấu Parafin	Chiếc	2	
35.	Ròng rọc tập	Chiếc	3	

36.	Cầu thang tập đi	Chiếc	2	
37.	Bàn tập đứng	Chiếc	3	
38.	Xe đạp tập đa năng	Chiếc	3	
39.	Bộ tạ	Chiếc	4	
40.	Thanh tập song song	Chiếc	2	
41.	Ghế tập mạnh chân tay	Chiếc	2	
42.	Máy điện não vi tính	Chiếc	1	
43.	Máy đo lưu huyết não	Chiếc	1	
44.	Máy điện châm	Chiếc	1	
45.	Máy siêu âm xuyên sọ	Chiếc	1	
46.	Máy kích thích điện đa chức năng	Chiếc	1	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA DINH DƯỠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Sau đại học, đại học, Cao đẳng Dinh dưỡng/ LS dinh dưỡng tiết chế, Dinh dưỡng điều trị...)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		6	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
5.	Ghế đơn	Cái	20	
6.	Máy tính	Cái	5	
7.	Ổng nghe	Cái	2	
8.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9.	Bóng Ambu	Cái	2	
10.	Bình Oxy các loại	Cái	2	
11.	Máy hút đờm rãi	Cái	2	
12.	Giường bệnh	Cái	30	
13.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	5	
14.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	2	
15.	Xe tiêm	Cái	4	
16.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	4	
17.	Bơm tiêm điện	Cái	2	
18.	Nhiệt kế các loại	Cái	5	
19.	Hộp chống shock	Cái	2	
20.	Cân	Cái	2	
21.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	20	
22.	Bộ dụng cụ lấy máu xét nghiệm	Bộ	2	
23.	Áp phích dinh dưỡng treo tường	BỘ	2	
24.	Bàn chia xuất ăn	Bàn	2	
25.	Tủ lạnh lưu mẫu thức ăn	Cái	2	
26.	Hộp nhựa to lưu mẫu thức ăn	Cái	2	
27.	Thước đo chiều cao đứng	Cái	2	
28.	Thước đo chiều cao nằm	Cái	2	
29.	Tủ cá nhân 6 người	cái	1	
30.	Hộp inox có nắp lưu giữ mẫu thức ăn	Hộp	10	
31.	Tủ tài liệu	Tủ	1	
32.	Bộ dụng cụ chế biến thức ăn(Bát đĩa, nồi niêu xồng chảo... các kích cỡ).	Bộ	1	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC
HÀNH

(Sau đại học/ Đại học/ Cao đẳng/Trung cấp/ Điều dưỡng, Hộ sinh, Dinh dưỡng – Y sỹ,
 YHCT- Kỹ thuật – Dược /lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	0	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		6	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	02	1 PK, 1 Khoa
5.	Ghế đơn	Cái	20	
6.	Máy tính	Cái	5	
7.	Máy giặt vắt công nghiệp	Chiếc	1	
8.	Máy giặt vắt tự động	Chiếc	2	
9.	Máy hàn dây túi máu	Chiếc	2	
10.	Máy hấp tiệt trùng	Chiếc	1	
11.	Máy hấp tiệt trùng tự động áp lực cao	Chiếc	1	
12.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	2	
13.	Máy là ép đa năng	Chiếc	1	
14.	Máy phun thuốc khử trùng phòng mổ	Chiếc	1	
15.	Máy rửa tay tiệt trùng hai vòi	Chiếc	2	
16.	Máy sấy công nghiệp	Chiếc	3	
17.	Máy vùi mô tự động	Chiếc	1	
18.	Nồi cách thủy	Chiếc	2	
19.	Nồi hấp khử trùng	Chiếc	2	
20.	Nồi hấp sấy tiệt trùng	Chiếc	2	
21.	Nồi hấp tiệt trùng ướt	Chiếc	5	
22.	Tủ âm CO2	Chiếc	2	
23.	Hóa chất và dụng cụ sát khuẩn dụng cụ	loại	03	
24.	Nồi luộc dụng cụ	Chiếc	02	
25.	Tủ sấy	Chiếc	01	
26.	Nồi hấp khô	Chiếc	01	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA DƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng/ Trung cấp DƯỢC – Lâm sàng Dược lâm sàng)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, hành chính,...)		2	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	30	
5.	Ghế đơn	Cái	40	
6.	Máy tính	Cái	45	
7.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
8.	Kho thuốc ống	Kho	1	
9.	Kho dịch truyền	Kho	1	
10.	Kho thuốc viên	Kho	1	
11.	Kho vật tư,	Kho	1	
12.	Kho vật tư kí gửi,	Kho	1	
13.	Kho phát thuốc ngoại trú	Kho	1	
14.	Kho hóa chất	Kho	1	
15.	Kho đông y	Kho	1	
16.	Phòng thông kê	Phòng	1	
17.	Phòng pha chế thuốc	Phòng	1	
18.	Tủ quản quản hóa chất	Cái	1	
19.	Tủ lạnh -8,-20c,	Cái		
20.	Tủ bảo quản thuốc: bút tiểu đường, insulin...,	Cái	1	
21.	Máy đo nhiệt độ	Cái	10	
22.	Máy đo độ ẩm	Cái	10	
23.	Máy sấy	Cái	5	
24.	Tủ đựng thuốc	Cái	10	
25.	Hóa chất phục vụ	Cái	1	
26.	Danh mục các nhóm thuốc		Đầy đủ chủng loại	

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
A	Chung			
1.	Phòng hội trường lớn (để học theo lớp)	Phòng	1	120 m ²
2.	Phòng hội thảo nhỏ (học theo nhóm)	Phòng	3	20 m ²
3.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	20	160 m ²
4.	Phòng trực	Phòng	20	160 m ²
5.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	3	30 m ²
6.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính, phòng bó bột, phòng mổ, đẻ...)	Phòng		Đầy đủ theo quy định của BV hạng 1
7.	Bảng viết lớn (Hội trường)	Cái	1	
8.	Bảng phụ	Cái	5	
9.	Màn chiếu	Cái	10	
10.	Máy chiếu	Cái	10	
11.	Máy tính	Cái	200	
12.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Phần mềm	1	
13.	Bàn ghế ngồi	Bộ	100	
14.	Ghế đơn	Cái	500	
15.	Giường bệnh		500	

B	Khoa Thực hành			
15	Bóng Ambu	Cái	8	
16	Bình Oxy các loại	Cái	8	
17	Máy gây mê kèm thở	Chiếc	10	
20	Máy hàn dây túi máu	Chiếc	2	
23	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	2	
24	Máy hút dịch	Chiếc	11	
25	Máy hút dịch chạy điện	Chiếc	4	
26	Máy khí dung	Chiếc	4	
27	Máy là ép đa năng	Chiếc	1	
32	Máy vùi mô tự động	Chiếc	1	
33	Nồi cách thủy	Chiếc	2	
34	Nồi hấp khử trùng	Chiếc	2	
35	Nồi hấp sấy tiệt trùng	Chiếc	2	
36	Nồi hấp tiệt trùng ướt	Chiếc	5	

Thanh Hoá, ngày tháng 11 năm 2023

GIÁM ĐỐC